

LESSON 4

HAVE / HAS - THERE IS / THERE ARE

Let's Learn!

Have / Has

English	Vietnamese	Questions	Answers
Have	I don't have	Do you have?	Yes, I do. No, I don't.
Has	You don't have	Do you have?	Yes, you do. No, you don't.
Has	He doesn't have	Do you have?	Yes, we do. No, we don't.
Has	They don't have	Do they have?	Yes, they do. No, they don't.
Has	He doesn't have	Does he have?	Yes, he does. No, he doesn't.
Has	She doesn't have	Does she have?	Yes, she does. No, she doesn't.
Has	It doesn't have	Does it have?	Yes, it does. No, it doesn't.

❑ Trừ động từ không chia phủ định / right verb is not shown (phân từ động từ, không chia phủ định, với động từ đúng)

❑ Chỉ được dùng form từ với số ít chỉ đúng

❑ Chọn từ đúng để điền vào chỗ trống

❑ Matching: nối câu hỏi đúng với câu trả lời đúng

❑ Matching: nối câu hỏi đúng với câu trả lời đúng

❑ Matching: nối câu hỏi đúng với câu trả lời đúng

There is / there are

English	Questions	Answers
Is	There is	There is
Are	There are	There are
Is	There is	There is
Are	There are	There are
Is	There is	There is
Are	There are	There are

Example 1: Fill in the blanks with 'is' or 'are'.

Example 2: Fill in the blanks with 'There is' or 'There are'.

Example 3: Answer the questions.

Example 4: Fill in the blanks with the suitable words.

Example 5: Change the following sentences into positive or negative.

Example 6: Circle the correct answers.

LIVEWORKSHEETS